

THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ*

NGUYỄN NHƯ QUỲNH

Phó Chánh Thanh tra Bộ KH&CN

Hiện nay, yêu cầu về hội nhập quốc tế đối với thực thi quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam đang ngày càng trở nên bức thiết. Thực tiễn cho thấy, hội nhập quốc tế về SHTT đòi hỏi các quốc gia phải thiết lập và vận hành cơ chế thực thi sao cho tương thích với các chuẩn mực quốc tế đã được thiết lập. Ngược lại, sự tương thích này giúp các quốc gia nhanh chóng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Xem xét các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT trong mối quan hệ với các yếu tố cấu thành cơ chế này cho thấy, mặc dù đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng khích lệ nhưng cơ chế này của chúng ta trong thời gian qua vẫn chưa thực sự hiệu quả như mong muốn. Bài viết đưa ra một số phân tích, bình luận về tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT hiện hành ở nước ta, chỉ ra nguyên nhân và trên cơ sở đó nêu lên một số giải pháp cho vấn đề này trong thời gian tới.

Yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với thực thi quyền SHTT tại Việt Nam

Việt Nam trở thành thành viên của WTO từ năm 2007 và được hưởng lợi cũng như chịu tác động trực tiếp từ hội nhập quốc tế. Thực thi quyền SHTT đương nhiên phải đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phải thỏa mãn những yêu cầu, chuẩn mực (hay tiêu chuẩn tối thiểu) mà quá trình hội nhập quốc tế đặt ra. Hội nhập quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải thiết lập và vận hành cơ chế thực thi sao cho tương thích với các chuẩn mực quốc tế đã được thiết lập. Ngược lại, sự tương thích này giúp các quốc gia nhanh chóng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Những chuẩn mực, nghĩa vụ quốc tế trong thực thi quyền SHTT được phản ánh trong các hiệp định kinh tế, thương mại đa phương và song phương (như Hiệp định về

các khía cạnh thương mại của quyền SHTT - viết tắt là Hiệp định TRIPS, các hiệp định thương mại tự do của khu vực và các hiệp định song phương giữa Việt Nam với quốc gia khác). Theo Hiệp định TRIPS (từ Điều 41 đến Điều 61 về thực thi quyền SHTT) và các hiệp định thương mại tự do của khu vực và các hiệp định song phương giữa Việt Nam với quốc gia khác, tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT có thể được xác định dựa trên các tiêu chí sau:

Thứ nhất, cơ chế thực thi được thiết lập, vận hành xuất phát từ chính sách và trên nền tảng pháp lý đầy đủ, rõ ràng, hợp lý

Một cơ chế thực thi được coi là có hiệu quả nếu pháp luật về SHTT có quy định các biện pháp và thủ tục cho phép hành động một cách kịp thời và hữu hiệu nhằm chống lại các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và thực tế hành vi xâm phạm quyền thực sự bị chống lại một cách hữu hiệu như vậy. Việc “chống lại” các hành vi xâm phạm quyền nêu trên không những có tác dụng ngăn chặn mà còn phải có tác dụng ngăn ngừa sự xâm phạm quyền. Nói cách

*Bài viết này có sử dụng thông tin của Đề án “Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền SHTT đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế” do Thanh tra Bộ KH&CN chủ trì và hoàn thành năm 2014.



khác, hệ thống thực thi không những phải đủ sức để xử lý, chặn đứng các hành vi xâm phạm quyền đã xảy ra, mà còn phải đủ sức để không cho phép xảy ra các hành vi xâm phạm như vậy.

Để đạt được yêu cầu này, trong các văn bản pháp luật nhất thiết phải có quy định về các biện pháp chế tài thích hợp và đủ mạnh; thủ tục tiến hành các biện pháp đó phải linh hoạt, nhanh chóng và thuận tiện; các cơ quan được giao thực hiện các chế tài phải đủ thẩm quyền và năng lực cần thiết. Tuy nhiên, nếu quá nhấn mạnh đến yêu cầu hiệu quả của hệ thống thực thi có thể dẫn tới một khuynh hướng lạm dụng cơ chế bảo hộ nhằm mục tiêu không lành mạnh. Để đề phòng và khắc phục các nguy cơ đó, bên cạnh các yêu cầu về tính hiệu quả nêu trên, luôn phải có một điều kiện kèm theo, đó là: các biện pháp và thủ tục thực thi chỉ được thực hiện theo cách thức, nguyên tắc không gây cản trở cho các hoạt động thương mại chính đáng và không được phép lạm dụng các biện pháp đó.

Thứ hai, các biện pháp, chế tài và thủ tục thực thi quyền SHTT đảm bảo đúng đắn, công bằng

Sự đúng đắn, công bằng của các biện pháp, chế tài, thủ tục thực thi được quy định và áp dụng trong hệ thống pháp luật. Để đạt được yêu cầu này, cần phải bảo đảm các điều kiện sau đây trong các quy định, cũng như trong thực tiễn thi hành các quy định về thực thi quyền SHTT: (i) Mọi người đều có cơ hội ngang nhau, không được hoặc không bị thiên vị; (ii) Các thủ tục thực thi quyền SHTT không có các điều kiện hạn chế một cách bất hợp lý cho bất kỳ bên nào, đặc biệt là không được có sự hạn chế khả năng đạt được kết luận phù hợp với bản chất sự việc hoặc chứng minh sự thật; (iii) Quyết định xử lý vụ việc do cơ quan có thẩm quyền đưa ra chỉ dựa trên chứng cứ mà mỗi bên liên quan đều đã có cơ hội để trình bày ý kiến của mình; (iv) Bên bị đơn phải được thông báo về việc mình bị khiếu nại, khiếu kiện cùng với lý do và căn cứ khiếu nại, khiếu kiện; quyết định xử lý vụ việc do cơ quan có thẩm quyền đưa ra phải được thể hiện bằng văn bản và phải có giải thích căn cứ, lý do đưa ra quyết định đó; (v) Các bên liên quan phải được cung cấp trong thời hạn hợp lý văn bản thể hiện quyết định nêu trên và phải được tạo cơ hội có ý kiến yêu cầu xem xét lại nếu quyết định đó là quyết định hành chính hoặc có cơ hội kháng án nếu quyết định là quyết định xét xử sơ thẩm (trừ quyết định vô tội trong vụ án hình sự); (vi) Trong

trường hợp một bên tham gia tranh chấp đã chứng minh rằng một thông tin nằm dưới sự kiểm soát của bên kia và rõ ràng thông tin đó có thể được coi là một chứng cứ, cơ quan hữu trách có quyền ra lệnh cho bên kiểm soát thông tin phải đưa ra thông tin đó với điều kiện các thông tin bí mật của các bên liên quan phải được bảo vệ.

Thứ ba, thủ tục thực thi quyền SHTT không quá phức tạp và không quá tốn kém

Yêu cầu này đối với hệ thống thực thi quyền SHTT là thủ tục phải đơn giản hoặc không quá phức tạp, minh bạch và không quá tốn kém. Ý nghĩa tổng quát của yêu cầu này là tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các bên tham gia và thực hiện quyền tự bảo vệ trong các vụ việc tranh chấp, khiếu nại và kiện cáo. Các quy định về thủ tục quá phiền phức hoặc mập mờ, hoặc không được công bố đều bị coi là không đáp ứng yêu cầu này. Các quy định về lệ phí xét xử, thụ lý vụ việc quá cao (không tương xứng với chi phí hợp lý để tiến hành xử lý, xét xử...) cũng bị coi là không đáp ứng yêu cầu này. Tuy nhiên, các chi phí do các bên tự trang trải cho mục tiêu theo đuổi vụ việc (điều tra, thu thập chứng cứ, thuê luật sư, đi lại để tham gia tố tụng...) đều không được coi là chi phí thực hiện thủ tục thực thi quyền.

Tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT hiện hành tại Việt Nam

Ở cấp độ quốc gia, cơ chế thực thi quyền SHTT được tạo thành từ các yếu tố sau: (i) Chính sách và pháp luật về thực thi quyền SHTT; (ii) Bộ máy thực thi quyền SHTT; (iii) Con người đảm bảo thực thi quyền SHTT; (iv) Các yếu tố khác hỗ trợ cho cơ chế thực thi quyền SHTT. Những yếu tố nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ, tương tác với nhau và được vận hành theo những nguyên tắc nhất định. Trong đó, *chính sách* về thực thi quyền SHTT của mỗi quốc gia là những sách lược, kế hoạch về SHTT được đề ra dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế của quốc gia đó; *pháp luật* thực thi quyền SHTT bao gồm các nội dung về biện pháp thực thi, các chế tài và thủ tục thực thi quyền SHTT; *bộ máy* thực thi quyền SHTT là toàn bộ các cơ quan có chức năng thực thi quyền SHTT. Đối với hầu hết các nước trên thế giới, thực thi quyền SHTT chủ yếu thuộc thẩm quyền của ba hệ thống cơ quan: tòa án; công an và hải quan. Bên cạnh đó, đối với các nước áp dụng biện pháp hành chính trong thực thi quyền SHTT thì bộ máy thực thi quyền SHTT còn gồm các cơ quan hành chính có thẩm quyền thực thi quyền SHTT; *con người* đóng vai trò quan trọng trong cơ chế thực thi quyền SHTT. Đó chính toàn bộ

các cán bộ của hệ thống các cơ quan thực thi quyền SHTT như thẩm phán, cán bộ hải quan, cán bộ công an, thanh tra viên... và những người giúp việc cho những cán bộ này.

Bên cạnh đó, cơ chế thực thi quyền SHTT được đảm bảo với sự hỗ trợ của một số yếu tố khác như: máy móc, thiết bị và hạ tầng thông tin; hợp tác quốc tế; và nguồn lực tài chính. Xem xét các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của cơ chế thực thi quyền SHTT nêu trên trong mối quan hệ với các yếu tố cấu thành cơ chế này cho thấy: cơ chế thực thi quyền SHTT ở nước ta đã có những tiến bộ đáng kể trong những năm vừa qua, tuy vậy cơ chế này chưa thực sự hiệu quả.

Những kết quả đạt được

Thứ nhất, quy định pháp luật về các biện pháp thực thi quyền SHTT tương thích với TRIPS và các hiệp định song phương mà Việt Nam là thành viên. Pháp luật SHTT là một lĩnh vực mới nhưng được hoàn thiện đáng kể trong thời gian qua xuất phát từ yêu cầu gia nhập WTO. Như nhiều quốc gia thành viên của WTO thừa nhận, pháp luật SHTT hiện hành của Việt Nam về cơ bản tương thích với các tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT theo quy định của Hiệp định TRIPS, trong đó bao gồm các quy định về thực thi quyền SHTT¹. Hiệp định TRIPS là thỏa thuận đa phương toàn diện nhất về SHTT cho đến nay; là kết quả của sự kết hợp những điều ước quốc tế quan trọng nhất trong lĩnh vực SHTT như Công ước Paris, Công ước Bern, Công ước Rome, Công ước Washington. Do đó, khi pháp luật SHTT và pháp luật về các biện pháp thực thi quyền SHTT nói riêng tương thích với Hiệp định TRIPS cũng có nghĩa là pháp luật nước ta về vấn đề này tương thích với các công ước quốc tế mà chúng ta là thành viên. Về cơ bản, pháp luật thực thi quyền SHTT của nước ta đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu (minimum standards) của Hiệp định TRIPS, chẳng hạn: (i) Áp dụng các biện pháp hành chính, dân sự, hình sự và kiểm soát biên giới trong thực thi quyền SHTT; (ii) Các chế tài tiêu hủy hàng hóa vi phạm hoặc các vật liệu và phương tiện được sử dụng để tạo ra hàng hóa vi phạm, bồi thường thiệt hại được áp dụng; (iii) Biện pháp kiểm soát biên giới cho phép cơ quan hải quan ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hóa sao chép lậu được đưa vào lưu thông tự do; không áp dụng quy định này trong trường hợp nhập khẩu với số lượng nhỏ và không có mục đích thương mại, chẳng hạn hàng hóa trong hành lý cá nhân của hành khách hoặc hàng hóa nhỏ được

ký gửi; (iv) Đảm bảo quyền được thông tin cho các chủ thể liên quan và quyền được giải trình của người bị xử lý vi phạm; (v) Các quyết định xử lý hành vi xâm phạm được xem xét lại bằng một thủ tục độc lập (các quyết định xử lý vi phạm hành chính có thể được xem xét lại thông qua thủ tục tố tụng hành chính tại tòa án; các bản án sơ thẩm, phúc thẩm đều có thể bị kháng cáo).

Thứ hai, về cơ bản, mỗi biện pháp thực thi chứa đựng chế tài và thủ tục xử lý vi phạm tương đối phù hợp. Đối với biện pháp hành chính, cách thức bảo vệ quyền của chủ thể bị xâm phạm quyền SHTT rất phong phú. Cảnh cáo và phạt tiền là hai hình thức xử phạt chính; bên cạnh đó, tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, người xâm phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Tùy từng trường hợp, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền SHTT còn phải chịu áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

Đối với biện pháp dân sự, thủ tục tố tụng dân sự cho phép chủ thể quyền cũng như các chủ thể có quyền liên quan khác được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án công nhận quyền của mình; buộc người có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc người có hành vi xâm phạm phải bồi thường thiệt hại, phải thực hiện nghĩa vụ, phải xin lỗi, cải chính công khai; buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền SHTT với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHTT.

Khi bị xử lý hình sự, bên cạnh những hình phạt, chủ thể xâm phạm quyền SHTT còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định hoặc bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định trong thời gian từ 1 năm đến 5 năm.

Những hạn chế

Bên cạnh các kết quả đáng khích lệ nêu trên, cơ chế thực thi quyền SHTT hiện hành của chúng ta vẫn còn một số hạn chế, bất cập như:

Một là, còn tồn tại một số quy định pháp luật chưa hợp lý về thực thi quyền SHTT. Chẳng hạn quy định: (i) Hội đồng định giá tang vật vi phạm hành chính chỉ được phép tạm giữ tang vật vi phạm trong thời hạn tối đa là 48 giờ; (ii) Phân định mức phạt tiền do vi phạm hành chính giữa tổ chức và cá nhân vi phạm; (iii) Chỉ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi khởi

¹Xem: Biên bản các cuộc họp của Hội đồng TRIPS, IP/C/56 (ngày 21.5.2008), đoạn 4-22 và IP/C/M/57 (ngày 16.9.2008), đoạn 5-21.

kiện và sau khi khởi kiện.

Hai là, còn thiếu các quy định rõ ràng, cụ thể đảm bảo xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Chẳng hạn: (i) Chưa có quy định hướng dẫn “quy mô thương mại” tại Điều 171 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự (năm 2009); (ii) Các quy định hiện hành chưa đủ rõ ràng để phân định rạch ròi giữa tội sản xuất, buôn bán hàng giả tại các điều 156, 157 và 158 với tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại Điều 171 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự (năm 2009); (iii) Còn thiếu quy định đảm bảo người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT phải thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Ba là, các biện pháp và chế tài hiện hành chưa có giá trị cao trong xử lý, ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền SHTT. Hiện ở nước ta, biện pháp tư pháp kém hiệu quả, xâm phạm quyền SHTT chủ yếu được giải quyết bằng biện pháp hành chính. Theo thống kê của Tòa án Nhân dân Tối cao, trong thời gian từ năm 2006 (từ khi Luật SHTT năm 2005 có hiệu lực) đến năm 2013, toàn ngành tòa án đã giải quyết được xấp xỉ 200 vụ án về SHTT, chiếm khoảng 1% số vụ án cơ quan hành chính đã xử lý theo thẩm quyền².

Mặc dù biện pháp hành chính có một số ưu thế so với biện pháp dân sự, nhưng nếu chỉ áp dụng biện pháp hành chính trong thực thi quyền SHTT sẽ không hợp lý bởi: 1- Tài sản trí tuệ là một loại tài sản, quyền SHTT là quyền dân sự; do đó khi một tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT tức là xâm phạm quyền tài sản, quyền dân sự của chủ thể quyền. Cho nên, chỉ áp dụng biện pháp hành chính với đặc thù mệnh lệnh, quyền uy xử lý xâm phạm quyền SHTT không phù hợp; 2- Chỉ áp dụng biện pháp hành chính trong thực thi quyền SHTT chưa thực sự đảm bảo được quyền lợi cho chủ thể quyền SHTT. Biện pháp

hành chính được áp dụng để quản lý trật tự xã hội, mục tiêu trực tiếp của biện pháp này chính là bảo vệ lợi ích của xã hội, đảm bảo trật tự xã hội. Do đó, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với chủ thể quyền SHTT không được đặt ra. Đây là hạn chế lớn nhất của biện pháp hành chính so với biện pháp dân sự. Việc áp dụng biện pháp hành chính không bù đắp được mất mát mà chủ thể quyền SHTT phải gánh chịu do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra; 3- Trong nhiều trường hợp, tính răn đe của các chế tài hành chính không cao. Mặc dù có sự can thiệp của lực lượng chức năng khi áp dụng biện pháp hành chính nhưng xử lý xâm phạm quyền SHTT không có tính răn đe cao do các chế tài xử phạt còn nhẹ, trong nhiều trường hợp số tiền phạt thấp hơn nhiều so với những lợi ích thu được từ hành vi xâm phạm quyền SHTT. Vì vậy, nhiều tổ chức, cá nhân tiếp tục vi phạm sau khi bị xử lý vi phạm hành chính; hơn nữa, các chế tài hành chính không đủ sức răn đe, ngăn chặn với các chủ thể khác vi phạm.

Bốn là, thủ tục xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT, cụ thể là thủ tục tố tụng dân sự, còn phức tạp và tốn kém. Sự phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền SHTT chưa tốt, thời gian giải quyết vụ án dân sự kéo dài, đòi hỏi nhiều thủ tục (như: giám định, lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, ủy thác tư pháp...) và chi phí cao.

Đi tìm nguyên nhân

Cơ chế thực thi quyền SHTT tại Việt Nam chưa thực sự phát huy hiệu quả như mong muốn. Ở đây, có thể chỉ ra một số nguyên nhân chính sau: 1- Hệ thống pháp luật về thực thi quyền SHTT còn hạn chế, như những quy định chưa rõ ràng, chưa thống nhất hoặc thiếu quy định cần thiết; 2- Bộ máy thực thi quyền SHTT vận hành chưa tốt, cụ thể là: (i) Đầu mối quốc gia về thực thi quyền SHTT chưa được thiết lập; (ii) Chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan thực thi quyền SHTT; (iii) Vai trò của hệ thống thực thi nghiêng về các cơ quan hành chính và vai trò của cơ quan tư pháp trong thực thi quyền SHTT còn thấp; 3- Nhân tố con người trong cơ chế thực thi quyền SHTT ở Việt Nam còn hạn chế. Năng lực cán bộ thực thi quyền SHTT còn bất cập cả về số lượng và chất lượng. Cụ thể, số cán bộ chuyên trách về thực thi quyền SHTT còn quá ít (khoảng 5,3% so với tổng số cán bộ của các cơ quan cung cấp thông tin); tỷ lệ cán bộ làm đúng theo chuyên ngành được đào tạo về SHTT còn rất thấp, chỉ chiếm 7,7%, trong khi đó số

²Trong khi đó, theo báo cáo của Bộ Công thương, trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2010, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã kiểm tra phát hiện và xử lý 18.984 vụ việc buôn bán hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT và vi phạm chất lượng hàng hóa, đã xử phạt hành chính 98 tỷ đồng. Tại các địa phương, các lực lượng chức năng (gồm cả thanh tra Sở KH&CN, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an, thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông), đã tiến hành thanh tra, kiểm tra được trên 21.649 cơ sở đã phát hiện và xử lý 4.180 cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật SHTT (vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả). Các cơ quan này đã tiến hành xử lý hàng triệu sản phẩm vi phạm với tổng giá trị hàng tỷ đồng, đã xử phạt cảnh cáo 398 trường hợp, phạt tiền 3.782 trường hợp với số tiền phạt trên 11,6 tỷ đồng. Xem: *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình hành động về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2006-2010 và chương trình phối hợp giai đoạn II (2012-2015)* của Bộ KH&CN.

cán bộ làm việc chưa đúng chuyên ngành được đào tạo về SHTT chiếm tới 92,3%³; 4- Các yếu tố khác hỗ trợ cho cơ chế thực thi quyền SHTT còn chưa tốt, thể hiện ở: (i) Máy móc, thiết bị và hạ tầng thông tin phục vụ cho hoạt động thực thi quyền SHTT còn thiếu; (ii) Nội dung hợp tác quốc tế chưa sâu, còn mang tính hình thức và chưa thực sự hiệu quả; (iii) Các nguồn lực tài chính từ trong nước và quốc tế phục vụ cho hoạt động thực thi quyền SHTT hạn chế.

Một số giải pháp

Trong thời gian tới, để cơ chế thực thi quyền SHTT ở nước ta thực sự phát huy hiệu quả, cần quan tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về thực thi quyền SHTT. Giải pháp này đặt ra yêu cầu phải rà soát và hoàn thiện toàn bộ các quy định pháp luật liên quan đến thực thi quyền SHTT (trong đó bao gồm pháp luật SHTT, tố tụng dân sự, hình sự và tố tụng hình sự, cạnh tranh, hợp đồng, hải quan, chuyển giao công nghệ...) để đảm bảo hơn nữa tính thống nhất, tính minh bạch, tính hợp lý và tính khả thi.

Thứ hai, sắp xếp lại cấu trúc cơ chế thực thi và tạo lập đầu mối quốc gia về phòng chống xâm phạm quyền SHTT. Để đảm bảo phù hợp với bản chất của quan hệ dân sự và thông lệ quốc tế, hệ thống thực thi quyền SHTT nước ta phải cơ cấu lại theo hướng: giảm áp dụng biện pháp hành chính trong xử lý xâm phạm quyền SHTT và tăng cường vai trò của tòa án trong thực thi quyền SHTT. Về lâu dài, bộ máy thực thi quyền SHTT chỉ nên gồm 3 hệ thống cơ quan là tòa án, công an và hải quan. Các cơ quan hành chính chỉ thực hiện chức năng thực thi quyền SHTT đối với những hành vi xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

Tòa chuyên trách về SHTT đã chứng minh tính hiệu quả tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, mô hình tòa chuyên trách về SHTT vận hành có hiệu quả tại một quốc gia nào đó không có nghĩa rằng nó sẽ vận hành tốt tại quốc gia khác. Để góp phần thúc đẩy sự phát triển của hệ thống SHTT tại Việt Nam, cần thiết phải xây dựng mô hình tòa SHTT phù hợp. Tòa nên được đặt tại cấp tỉnh (ban đầu có thể đặt tại các tỉnh/thành phố lớn) với thẩm quyền xét xử các vụ án liên quan đến SHTT, gồm cả hình sự, dân sự và hành chính.

Cần sớm thiết lập đầu mối quốc gia về bảo vệ, thực thi quyền SHTT, thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về

SHTT như quy định tại Điều 60 Nghị định 105/2006/NĐ-CP. Trưởng ban chỉ đạo quốc gia về SHTT là một Phó Thủ tướng Chính phủ. Các Phó Trưởng ban chỉ đạo và ủy viên Ban chỉ đạo nên là những lãnh đạo của các bộ, ngành quản lý các cơ quan thực thi quyền SHTT. Ban chỉ đạo là cơ quan xây dựng chiến lược, kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác SHTT nói chung và công tác thực thi quyền SHTT nói riêng. Bên cạnh đó, Văn phòng thường trực về thực thi quyền SHTT cũng cần được thiết lập. Đây là bộ phận giúp việc thường xuyên cho Ban chỉ đạo về những vấn đề liên quan đến thực thi quyền SHTT, đóng vai trò đầu mối của toàn bộ hệ thống các cơ quan thực thi quyền SHTT và cũng là đầu mối phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền SHTT với Cục SHTT (cơ quan quản lý nhà nước về SHTT).

Thứ ba, tạo lập và xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp về thực thi quyền SHTT. Trong quá trình xử lý xâm phạm, giải quyết tranh chấp, nếu thấy hành vi xâm phạm quyền SHTT đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự thì các cơ quan hành chính thông báo và chuyển hồ sơ, tài liệu cho cơ quan điều tra để thụ lý giải quyết. Khi xét xử các vụ án dân sự liên quan đến quyền SHTT, tòa án cần thông báo để các cơ quan hành chính, trong đó có Cục SHTT, Cục Bản quyền, Cục Trồng trọt để có thể tham gia tố tụng, nắm bắt thông tin phục vụ cho hoạt động của mình. Chẳng hạn, ngay sau khi thụ lý vụ án, tòa án cần thông báo cho Cục SHTT biết để tạm dừng thủ tục cấp văn bằng bảo hộ cho đối tượng đang tranh chấp. Trong quá trình giải quyết các tranh chấp về quyền SHTT, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa tòa án, viện kiểm sát với các cơ quan thực thi quyền SHTT khác và các cơ quan chuyên môn về SHTT (như Cục SHTT, Viện Khoa học SHTT).

Cuối cùng, để nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT, một số giải pháp khác cần phải áp dụng đồng thời. Đó là: (i) Nâng cao năng lực thực thi quyền SHTT của hệ thống các cơ quan thực thi quyền SHTT, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn của tòa án; (ii) Nâng cao nhận thức về thực thi hiệu quả quyền SHTT; (iii) Tạo lập cơ chế chia sẻ thông tin, hợp tác xây dựng và giải thích văn bản pháp luật liên quan đến thực thi quyền SHTT; (iv) Nâng cao hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế trong thực thi quyền SHTT.

³Xem: Báo cáo tổng thuật Đề án “Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền SHTT đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế” do Thanh tra Bộ KH&CN chủ trì, Mục 5.1.3.